TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**01/**2021/HNGĐ-PT
Ngày 30-3-2021
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Việt
Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng; Ông Hà Văn Chương
Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang*:** Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2021/TLPT-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2021, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 298/2020/HNGĐ-ST, ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐ-PT, ngày 05 tháng 2 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
(Vắng mặt lần thứ 3 không có lý do)

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1991;
Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.(Có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Phạm Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2010 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại Thôn B, xã N, huyện S. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Y ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Do không chịu đựng được anh đã sống ly thân với chị Y từ tháng 01/2020 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 18/11/2010 và cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/9/2016. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, còn cháu H anh nhất trí giao cháu cho chị Y nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/5/2020 chị Phạm Thị Y trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa chị và anh Đ như anh Đ trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị Y xác định khoảng tháng 01/2020 do anh Đ gây áp lực cho chị và đuổi chị ra khỏi nhà mà không rõ nguyên nhân. Quan điểm của chị Y là tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không nhất trí ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Y xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 18/11/2010 và cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/9/2016. Nếu anh Đ kiên quyết xin ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét cho chị được quyền nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, chị nhất trí giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung: Qúa trình chung sống anh chị có xây một ngôi nhà ngang, đổ mái, xây dựng vào khoảng năm 2010. Đến năm 2018 vợ chồng chị có sửa lại ngôi nhà. Giá trị ngôi nhà hiện nay là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*). Khi ly hôn chị đề nghị anh Đ phải trả số tiền chênh lệch ngôi nhà cho chị.

Về đất đai chung: Anh chị có hai thửa đất bao gồm: thửa số 57, tờ bản đồ số 20, diện tích 120m^2. Thửa số 20, tờ bản đồ số 20, diện tích 100m^2. Cả hai thửa đất nêu trên đều có địa chỉ tại Thôn B, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Giá trị cả hai thửa đất là 2.300.000.000đồng (*Hai tỷ ba trăm triệu đồng*). Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Về công nợ chung: Chị Y xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện S xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 298/2020/HNGĐ-ST, ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với chị Phạm Thị Y

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Phạm Thị Y.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 18/11/2010 cho chị Phạm Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/9/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/11/2020 Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Y, đơn kháng cáo có nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm, chị Phạm Thị Y cho rằng chị không nhận được bất cứ một giấy tờ văn bản hay thông báo nào của Tòa án nhân dân huyện S mà lại xét xử vắng mặt chị, trong bản án ghi triệu tập chị hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Sau đó chị cũng không nhận được bản án và cũng không thấy dán ở nhà văn hóa thôn, đến ngày 12/11/2020 mẹ đẻ của chị hỏi ông A trưởng thôn B, xã N và ra UBND xã N hỏi thì có trả lời là không nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện S, đến ngày 25/11/2020 Tòa án nhân dân huyện S gọi chị lên để giải trình về đơn tố cáo của chị và giao cho chị bản án sơ thẩm xét xử vắng mặt chị. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm điều tra và làm rõ về việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho anh Đ ly hôn chị vì chị chưa nhất trí ly hôn; Phân chia tài sản chung giữa chị và anh Đ vì chưa được phân chia tài sản chung. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 298/2020/HNGĐ-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện S.

Tại Quyết định số 17/2020/QĐ-PT ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã Chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của chị Phạm Thị Y đối với bản án dân sự sơ thẩm số 298/2020/HNGĐ-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện S.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo - bị đơn chị Phạm Thị Y giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Chị nhất trí ly hôn và giao con cho các bên nuôi dưỡng như án sơ thẩm đã tuyên, chị Y chỉ trình bày việc anh Đ đã đăng ký kết hôn và tổ chức cưới với người khác khi việc ly hôn với chị chưa có hiệu lực pháp luật là vi phạm, đề nghị Tòa án xử lý việc vi phạm của anh Đ và xác định chị Y không ngoại tình như anh Đ đã nêu tại giai đoạn sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các

thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Y, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 298/2020/HNGĐ-ST, ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Phạm Thị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị Y không nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ

Xét thấy: Anh Đ và chị Y được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S.

Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại Thôn B, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay, cả 2 bên gia đình và vợ chồng không có thiện chí và đi lại nhằm cải thiện tình cảm để tái hòa hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Y thừa nhận từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị Y đã chuyển về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, anh chị sống ly thân, chưa bao giờ trở lại thăm hỏi, gặp gỡ chồng nhằm đoàn tụ.

Theo chị Y trình bày anh Đ đã đăng ký kết hôn và tổ chức cưới với người khác khi việc ly hôn với chị chưa có hiệu lực pháp luật. Xét thấy việc bản án hôn nhân gia đình giữa anh Đ và chị Y chưa có hiệu lực pháp luật mà anh Đ đã kết hôn với người khác như chị Y nêu là thuộc thẩm quyền và thủ tục xác minh, xử lý của cơ quan khác, án sơ thẩm chưa xem xét nội dung trên nên không thuộc phạm vi xem xét của bản án phúc thẩm; việc anh Đ nêu lý do ly hôn vì chị Y ngoại tình chỉ là ý kiến của riêng anh Đ, Tòa án các cấp khi xét xử không xác định là có căn cứ. Các nội dung của chị Y nêu trên không có giá trị khi chị Y đã tiếp tục nhất trí việc ly hôn và ngược lại, càng thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị Y đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đ là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của chị không nhất trí ly hôn với anh Đ là không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Nội dung kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị Y đề nghị Tòa phúc thẩm phân chia tài sản chung giữa chị và anh Đ vì chưa được Tòa án chia tài sản chung.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ là nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Y là bị đơn có đề nghị Tòa án phân chia phần tài sản, đất đai chung. Ngày 29/4/2020 Tòa án cấp sơ thẩm đã ban thành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 125/TB-TA đối với chị Y. Ngày 04/5/2020 Tòa án có nhận được đơn xin hoãn nộp tiền tạm ứng án phí của chị Y. Tuy nhiên từ khi chị Y xin hoãn nộp tiền tạm ứng án phí đến khi Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 03/8/2020 chị Y chưa nộp tiền tạm ứng án phí, do đó Tòa án không có cơ sở để xem xét theo trình tự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản của chị Y.

Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm: "*Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo kháng nghị"*. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết theo thủ tục sơ thẩm về chia tài sản chung của chị Y và anh Đ nên các đương sự không có quyền kháng cáo những nội dung ngoài bản án sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục phúc thẩm nội dung trên. Chị Y và anh Đ đều có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục sơ thẩm nội dung chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bằng một vụ án khác.

[3] Nội dung kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị Y đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét việc chị Y không nhận được thông tin về triệu tập chị đến Tòa án, không biết việc niêm yết nhưng Cấp sơ thẩm xử vắng mặt chị là không đúng:

Xét thấy: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định chị Y không đăng ký địa chỉ mới tại thời điểm tham gia tố tụng nên Tòa án sơ thẩm không có căn cứ xác minh và triệu tập chị theo địa chỉ mới; việc xác minh địa chỉ và đăng ký hộ khẩu chị Y vẫn ghi tại Thôn B, xã N cũng là nơi đã có thủ tục niêm yết giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án theo quy định, nên nội dung kháng cáo này của chị Y không có căn cứ xem xét.

Từ những căn cứ trên thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Y, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị Y không được chấp nhận, nên chị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Y, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 298/2020/HNGĐ-ST, ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Phạm Thị Y.

2. Về nuôi chung: Giao cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 18/11/2010 cho chị Phạm Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/9/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Phạm Thị Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003710, ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. chị Phạm Thị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/3/2021)./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hồ Hữu Việt